TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/DS-PT
Ngày 30/8/2022
"V/v Tranh chấp HĐ tín dụng và HĐ thế chấp"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Đào.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Lâm

Bà Đoàn Thị Hương Nhu.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 02 năm 2022 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp:

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 01/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 38/2022/QĐPT-DS ngày 05 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV). Địa chỉ: số 35 Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức Tú – Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Khắc Huy – Giám đốc BIDV chi nhánh Hải Dương. Những người được ông Huy ủy quyền lại: 1. Ông Lã Văn Vĩ – Phó giám đốc BIDV chi nhánh Hải Dương. 2. Ông Phạm Văn Thái – Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp 2 BIDV chi nhánh Hải Dương. 3. Ông Vũ Ngọc Anh – Phó phòng khách hàng doanh nghiệp 2 BIDV chi nhánh Hải Dương. 4. Ông Bùi Quang Trường – Chuyên viên phòng khách hàng doanh nghiệp 2 BIDV chi nhánh Hải Dương. 5. Ông Đặng Quang Minh – Chuyên viên Trung tâm xử lý nợ BIDV.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn Minh, sinh năm 1959 và bà Lê Thị Hồng Hạnh, sinh năm 1958. Địa chỉ: số 10/69 Đặng Văn Ngữ, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Minh:

Ông Dương Minh Doan, Luật sư – Công ty Luật TNHH một thành viên XXV. Địa chỉ: số nhà 56 ngõ 58 phố Đào Tấn, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

3. Người kháng cáo: Ông Phạm Văn Minh là bị đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa. Có mặt ông Trường, ông Thái, ông Doan. Vắng mặt: Ông Minh, bà Hạnh, ông Vĩ, ông Ngọc Anh, ông Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV)trình bầy: Trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, vợ chồng ông Phạm Văn Minh, bà Lê Thị Hồng Hạnh và Ngân hàng BIDV đã ký các hợp đồng tín dụng như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTD – PVM ngày 24/12/2012 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 24/6/2013 có nội dung: BIDV cho ông Minh, bà Hạnh vay số tiền 3.500.000.000đ để thanh toán tiền sửa chữa, cải tạo nhà ở; thời hạn vay 96 tháng kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên; lãi vay trong hạn là 13,5%/năm; lãi quá hạn bằng 150% lãi vay trong hạn. Ngày 24/12/2012, BIDV đã giải ngân cho ông Minh, bà Hạnh số tiền vay 3.500.000.000đ.

2. Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTD-LTHH ngày 25/12/2012 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 24/6/2013 có nội dung: BIDV cho ông Minh, bà Hạnh vay số tiền 3.000.000.000đ để thanh toán tiền sửa chữa, cải tạo nhà ở, thời hạn vay 96 tháng kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên; lãi vay trong hạn là 13,5%/năm; lãi quá hạn bằng 150% lãi vay trong hạn. Ngày 25/12/2012 BIDV đã giải ngân cho ông Minh, bà Hạnh số tiền vay 3.000.000.000đ.

Để đảm bảo cho hai hợp đồng tín dụng trên, vợ chồng ông Minh bà Hạnh đã thế chấp tài sản cho Ngân hàng BIDV gồm:

1. Căn hộ chung cư số A09 tầng 5 *(nay là căn hộ nhà 509)* chung cư 93 Lò Đúc, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2011/HĐTC (số đăng ký tại ngân hàng: 01/4462631) ngày 30/11/2011.

2. Quyền sử dụng 1.346,5m^2 đất (gồm 300m^2 đất ở, 1.046,5m^2 đất vườn hợp pháp lâu dài) thuộc thửa đất số 192, tờ bản đồ số 04 và ngôi nhà cấp ba, 02 tầng, ngôi nhà bê tông cốt thép 01 tầng xây dựng trên đất, địa chỉ nhà đất: tại xã Lê Lợi, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2011/HĐTC (số đăng ký tại ngân hàng: 01/4462626) ngày 30/11/2011.

Đến hạn thanh toán nhưng vợ chồng ông Minh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng BIDV đã nhiều lần đôn đốc nhưng ông Minh, bà Hạnh vẫn chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Nay ngân hàng BIDV khởi kiện yêu cầu

Tòa án buộc ông Minh, bà Hạnh phải thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày 28/02/2021 là 10.054.755.456 (gồm tiền nợ gốc: 5.735.000.000đ; tiền nợ lãi: 4.319.755.456đ) và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/3/2021 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng. Trường hợp ông Minh, bà Hạnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì BIDV được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Bị đơn ông Phạm Văn Minh trình bầy: Công ty TNHH MTV Tháp UBI do ông làm Tổng giám đốc có vay vốn của BIDV nhưng không kịp thời trả lãi nên vợ chồng ông đã thế chấp tài sản thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho các khoản vay của vợ chồng ông bà tại BIDV. Ông xác nhận vợ chồng ông có ký các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp với BIDV nhưng thực tế các khoản tiền vay đều được BIDV đối trừ vào các khoản tiền lãi của Công ty TNHH MTV Tháp UBI. Nay, Ngân hàng khởi kiện, ông nhất trí trả nợ cho ngân hàng BIDV bằng tiền mặt.

Quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm, Tòa án đã gửi nhiều văn bản cho bà Hạnh nhưng bà Hạnh không có văn bản trình bầy ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 01/12/2021, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương đã áp dụng: Điều 116; 117; 299; 317; 318; 319; 320; 321; 322; 323; 688 Bộ luật dân sự; Điều 19, 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị định 136/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV).

1. Buộc ông Phạm Văn Minh và bà Lê Thị Hồng Hạnh phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho BIDV tổng số tiền nợ tính đến hết ngày 01/12/2021 là **10.396.389.406đ** *(mười tỷ, ba trăm chín mươi sáu triệu, ba trăm tám mươi chín nghìn, bốn trăm linh sau đồng),* bao gồm:

Số tiền nợ phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTD-PVM ngày 24/12/2012 là **5.648.676.978** gồm: nợ gốc = 3.115.000.000đ; nợ lãi trong hạn = 2.484.205.472đ; nợ lãi quá hạn = 49.471.506đ.

Số tiền nợ phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTD-LTHH ngày 25/12/2012 là **4.747.712.428đ** gồm: nợ gốc = 2.620.000.000đ; nợ lãi trong hạn = 2.087.409.194đ; nợ lãi quá hạn = 40.303.234đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Minh và bà Hạnh còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTD-PVM ngày 24/12/2012 và hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTD- LTHH ngày 25/12/2012.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, BIDV có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Phạm Văn Minh, bà Lê Thị Hồng Hạnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì BIDV có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp gồm:

- Căn hộ chung sư số A09 tầng 5 *(nay là căn hộ 509)* chung cư 93 Lò Đúc, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Giấy tờ về tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC 273528, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH0025 (1506-2010) do UBND quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội cấp ngày 06/8/2010 đứng tên ông Phạm Văn Minh, bà Lê Thị Hồng Hạnh, theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2011/HĐTC (số đăng ký tại ngân hàng 01/4462631) ngày 30/11/2011.

- Quyền sử dụng 1.346,5m^2 đất *(gồm 300m^2 đất ở; 1.046,5m^2 đất vườn hợp pháp lâu dài)* thuộc thửa đất số 192, tờ bản đồ số 04 và ngôi nhà cấp ba, 02 tầng, ngôi nhà bê tông cốt thép 01 tầng; các tài sản khác gắn liền với đất; địa chỉ nhà đất: xã Lê Lợi, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Giấy tờ về tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ945168, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 45QSDĐ/LL3-GL do UBND huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương cấp ngày 15/9/2004 đứng tên ông Phạm Văn Minh, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2011/HĐTC (số đăng ký tại ngân hàng: 01/4462626) ngày 30/11/2011.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền và nghĩa vụ của ông Minh, bà Hạnh khi tài sản thế chấp bị xử lý để thu hồi nợ, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Phạm Văn Minh kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương hủy bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DSST ngày 01/12/2021 bởi cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, bị đơn bà Lê Thị Hồng Hạnh có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DSST ngày

01/12/2021, đề nghị Tòa án hủy bản án với lý do bà không biết việc Ngân hàng khởi kiện bà và ông Minh tại Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương nên không thực hiện được quyền và nghĩa vụ của mình. Khi bà nhận được Thông báo thụ lý phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương bà mới biết nội dung vụ án. Bà và ông Minh đều có quan điểm, toàn bộ chữ ký và chữ viết tên Lê Thị Hồng Hạnh trong 02 hợp đồng tín dụng ngày 24/12/2012 và ngày 25/12/2012 cùng hồ sơ vay vốn, hồ sơ giải ngân, văn bản sửa đổi, bổ sung 02 hợp đồng tín dụng nêu trên, giấy ủy nhiệm chi...không phải do bà Hạnh ký và viết nên đề nghị Tòa án tiến hành trưng cầu giám định. Ông bà khẳng định: ông bà không được nhận số tiền vay từ hai hợp đồng tín dụng nêu trên. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 01/12/2021 về xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm, đưa thêm người tham gia tố tụng vào vụ án, cụ thể là bà Phạm Thị Tuyết Thanh và ông Bùi Phi Thăng để làm rõ nội dung vụ án, ai là người nhận số tiền theo 02 hợp đồng tín dụng, để từ đó đánh giá trách nhiệm của những người liên quan. Căn cứ vào đơn đề nghị Tòa án trưng cầu giám định chữ kỹ và chữ viết của bà Hạnh. Tòa án đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 05/2022/QĐ-TCGĐ ngày 16/5/2022 và Quyết định trưng cầu giám định số 09/2022/QĐ-TCGĐ ngày 14/6/2022 tại Viện khoa học hình sự Bộ Công an. Đối tượng giám định: Hợp đồng tín dụng ngày 25/12/2012, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 25/12/2012; hợp đồng tín dụng ngày 24/12/2012, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 24/12/2012; ủy nhiệm chi ngày 25/12/2012 so với các mẫu so sánh. Kết luận giám định: Không phải do cùng một người ký và viết ra.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, bị đơn (thông qua đơn đề nghị xét xử vắng mặt) có quan điểm: đề nghị Tòa án hủy toàn bộ nội dung vụ án để xét xử lại nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có quan điểm: Căn cứ vào kết luận giám định của Viện khoa học hình sự Bộ Công an thì bà Hạnh không ký vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án, cụ thể là 02 hợp đồng tín dụng số 01 ngày 24/12/2012 và hợp đồng tín dụng số 01 ngày 25/12/2012 và các ủy nhiệm chi. Không có căn cứ chưng minh Ngân hàng đã chuyển khoản số tiền vay của hai hợp đồng tín dụng. Tại ủy nhiệm chi do bà Hạnh ký thì không phải chữ ký bà Hạnh nên hợp đồng vô hiệu, đối với phiếu ủy nhiệm chi có chữ ký của ông Phạm Văn Minh ngày 24/12/2014 là do ông Minh ký nhưng không có căn cứ chứng minh ông Minh đã nhận số tiền trên. Do vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 12 để đưa thêm người tham gia tố tụng là bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh, ông Bùi Phi Thăng nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Minh, bà Hạnh.

Quan điểm của nguyên đơn. Đề nghị HĐXX xem xét, đánh giá toàn diện chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DSST ngày 01/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi đại diện Viện kiểm sát phân tích các tình tiết của vụ án, các căn cứ xem xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, ý kiến của các bên đương sự, đại diện VKS đề nghị HĐXX áp dụng: khoản 3 Điều 308; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn Minh. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 01/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương. Chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Về án phí: Đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn Minh trong thời hạn luật định, đương sự đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ nên kháng cáo hợp lệ. Bị đơn bà Lê Thị Hồng Hạnh có kháng cáo vào ngày 08/4/2022, nội dung đề nghị Tòa án hủy bản án sơ thẩm số 12. Kháng cáo của bà Hạnh được xác định là kháng cáo quá hạn. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã mở phiên họp và ban hành Quyết định số 01/2022/QĐ-PT ngày 04/5/2022 không chấp nhận kháng cáo quá hạn của bà Lê Thị Hồng Hạnh. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, bà Hạnh có mời luật sư Dương Minh Doan là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà. Căn cứ Điều 75 BLTTDS, HĐXX chấp nhận luật sư Doan là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Hạnh. Tại phiên tòa vắng mặt bà Hạnh, ông Minh nhưng các ông bà đều có yêu cầu xin vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về nội dung kháng cáo*:

[2.1] Đối với yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. HĐXX thấy rằng.

Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTD-LTHH ngày 25/12/2012 và văn

bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 24/6/2013 được ký kết giữa ngân hàng BIDV với ông Minh, bà Hạnh có nội dung: BIDV cho ông Minh bà Hạnh vay với số tiền 3.000.000.000đ, mục đích để thanh toán tiền sửa chữa, cải tạo nhà ở. Ngày 25/12/2012 BIDV giải ngân cho bà Hạnh số tiền 3.000.000.000đ. Tuy nhiên, căn cứ vào kết luận giám định số 158/KL-KTHS ngày 11/7/2022 và số 210/KL-KTHS ngày 11/7/2022 thì toàn bộ chữ ký trong hợp đồng tín dụng, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng, giấy ủy nhiệm chi đối với khoản vay 3.000.000.000đ không phải bà Lê Thị Hồng Hạnh ký và viết họ tên. Số tiền 3.000.000.000đ được chuyển khoản vào tài khoản 46010001002084 của bà Phạm Thị Tuyết Thanh tại Chi nhánh ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Hải Dương. Bà Hạnh và ông Minh đều không thừa nhận bà Hạnh ký và viết họ tên vào những tài liệu nêu trên, lời khai của ông bà phù hợp với kết luận giám định của Viện khoa học hình sự Bộ Công an. Do vậy, để có căn cứ xác định ngân hàng đã giải ngân số tiền 3.000.000.000đ cho bà Hạnh thông qua tài khoản của bà Thanh là đúng ý chí của bà Hạnh hay không. Để chứng minh đối với việc giải ngân số tiền trên thì Tòa án phải đưa bà Thanh vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Cấp sơ thẩm chưa đưa bà Thanh vào tham gia tố tụng là còn thiếu xót, cấp phúc thẩm không khắc phục được nên yêu cầu kháng cáo này của ông Minh có căn cứ để HĐXX chấp nhận. Hủy một phần bản án đối với nghĩa vụ thanh toán của ông Minh, bà Hạnh tại hợp đồng tín dụng 01/2012/HĐTD-LTHH ngày 25/12/2012. Chuyển hồ sơ về cho Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương để xét xử lại đối với hợp đồng trên theo thủ tục sơ thẩm. Khi giải quyết lại, Tòa án cấp sơ thẩm phải đưa bà Phạm Thị Tuyết Thanh vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để làm rõ nội dung của việc giải ngân số tiền 3.000.000.000đ.

Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTD – PVM ngày 24/12/2012 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 24/6/2013 có nội dung: BIDV cho ông Minh, bà Hạnh vay số tiền 3.500.000.000đ để thanh toán tiền sửa chữa, cải tạo nhà ở. BIDV đã giải ngân số tiền 3.500.000.000đ cho ông Minh vào ngày 25/12/2012. Mặc dù hợp đồng tín dụng số 01 ngày 24/12/2012 và văn bản sửa đổi hợp đồng tín dụng ngày 24/6/2013 bà Lê Thị Hồng Hạnh không phải là người ký nhưng ông Phạm Văn Minh là người nhận tiền, tại giai đoạn phúc thẩm ông không thừa nhận đã nhận số tiền trên mà ngân hàng đã chuyển để thanh toán khoản nợ khác của ông tại BIDV. Tuy nhiên ông không đưa ra được căn cứ chứng minh. Toàn bộ hợp đồng tín dụng, hợp đồng thầu khoán, giấy biên nhận tiền, ủy nhiệm chi đều do ông ký nên phát sinh nghĩa vụ thanh toán đối với ông. Ông Minh yêu cầu Tòa án đưa thêm người tham gia tố tụng là ông Bùi Phi Thăng (ông Thăng là người ký hợp đồng thầu khoán và có tài khoản nhận số tiền 3.500.000.000đ từ BIDV). Xét thấy, ông Minh là người ký những tài liệu trên

với BIDV và ủy nhiệm chi để BIDV chuyển tiền vào tài khoản của ông Thăng, ông Minh xác định mọi thủ tục ông ký chỉ để hoàn thiện hồ sơ, chứ không nhận tiền để thực hiện đúng mục đích vay. Lời trình bầy của ông không phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà ông cũng không đưa ra được căn cứ chứng minh nên đề nghị của ông về việc đưa ông Bùi Phi Thăng vào tham gia tố tụng là không cần thiết nên HĐXX không chấp nhận. Bà Hạnh không ký hợp đồng tín dụng số 01 ngày 24/12/2012 nên không phát sinh nghĩa vụ của bà cùng ông Minh thanh toán số tiền 3.500.000.000đ. Cấp sơ thẩm buộc ông Minh bà Hạnh phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ tiền gốc và lãi đối với hợp đồng tín dụng số 01 ngày 24/12/2012 là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hạnh. Cấp phúc thẩm sẽ sửa lại phần nghĩa vụ thanh toán của bà Hạnh trong hợp đồng tín dụng nêu trên, cần buộc ông Minh có trách nhiệm thanh toán toàn bộ tiền gốc và lãi tính đến ngày 01/12/2021 là 5.648.676.978đ (gồm: nợ gốc = 3.115.000.000đ; nợ lãi trong hạn = 2.484.205.472đ; nợ lãi quá hạn = 49.471.506đ) là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2]. Về xử lý tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho số tiền vay tại hai hợp đồng tín dụng của ông Minh, bà Hạnh với BIDV gồm: Căn hộ chung sư số A09 tầng 5 (*nay là căn hộ 509)* chung cư 93 Lò Đúc, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2011/HĐTC (số đăng ký tại ngân hàng 01/4462631) ngày 30/11/2011; Quyền sử dụng 1.346,5m^2 đất (gồm 300m^2 đất ở; 1.046,5m^2 đất vườn hợp pháp lâu dài) thuộc thửa đất số 192, tờ bản đồ số 04 và ngôi nhà cấp ba, 02 tầng, ngôi nhà bê tông cốt thép 01 tầng; các tài sản khác gắn liền với đất; địa chỉ nhà đất: xã Lê Lợi, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2011/HĐTC (số đăng ký tại ngân hàng: 01/4462626) ngày 30/11/2011. Cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ. Kết quả: các đương sự, ngân hàng, người đang quản lý tài sản cùng chính quyền địa phương xác định. Hiện trạng không có gì thay đổi so với thời điểm ông Minh, bà Hạnh làm thủ tục thế chấp. Trên thửa đất số 192 tờ bản đồ 04 địa chỉ xã Lê Lợi, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương còn có các công trình khác như tường bao, nhà phụ, cổng, sân lát gạch đỏ, nhờ thờ….Các tài sản này không được ghi trong hợp đồng thế chấp nhưng bên thế chấp đã thế chấp toàn bộ bất động sản, động sản có vật phụ nên những tài sản trên cũng thuộc tài sản thế chấp theo quy định tại Điều 342 BLDS năm 2005. Cấp phúc thẩm đã hủy quyết định của bản án sơ thẩm đối với nghĩa vụ thanh toán nợ của ông Minh bà Hạnh tại Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTD-LTHH ngày 25/12/2012 nên vấn đề xử lý tài sản thế chấp sẽ được cấp sơ thẩm xem xét giải quyết lại khi giải quyết hợp đồng tín dụng. Đối với hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTD-PVM ngày 24/12/2012, cấp phúc thẩm sửa phần nghĩa vụ thanh toán nợ, hợp đồng

không phát sinh nghĩa vụ thanh toán với bà Hạnh mà ông Minh có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ đối với hợp đồng tín dụng trên. Do vậy, nếu ông Minh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đối với hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTD-PVM ngày 24/12/2012 thì BIDV có quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp phần của ông Minh trong khối tài chung của ông Minh, bà Hạnh tại 02 hợp đồng thế chấp trên để thu hồi nợ. Nếu giá trị tài sản thế chấp của ông Minh lớn hơn khoản nợ phải thanh toán thì phần chênh lệch được trả lại cho người thế chấp (ông Minh). Nếu giá trị tài sản thế chấp không đủ để trả nợ thì ông Minh phải tiếp tục thanh toán phần còn thiếu cho BIDV.

[2.3] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện nộp tiền chi phí thẩm định tại cấp phúc thẩm và không yêu cầu HĐXX xem xét giải quyết nên HĐXX phúc thẩm không phải giải quyết.

[2.4] Về án phí: Do HĐXX hủy một phần bản án và sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm nên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

[2.5]. Các nội dung khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị, không được HĐXX xem xét giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phạm Văn Minh. Hủy một phần bản án và sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 01/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Căn cứ vào Điều 116; 117; 299; 317; 318; 319; 320; 321; 322; 323; 688 Bộ luật dân sự; Điều 19, 95 Luật các tổ chức tín dụng. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV). Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DSST ngày 01/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương về nghĩa vụ thanh toán nợ của bà Lê Thị Hồng Hạnh đối với hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTD-PVM ngày 24/12/2012.

1. Buộc ông Phạm Văn Minh phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho BIDV tổng số tiền nợ tính đến hết ngày 01/12/2021 là **5.648.676.978đ** (gồm: nợ gốc = 3.115.000.000đ; nợ lãi trong hạn = 2.484.205.472đ; nợ lãi quá hạn =

49.471.506đ). Số tiền nợ phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTD-PVM ngày 24/12/2012.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Minh còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTD-PVM ngày 24/12/2012.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, BIDV có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Phạm Văn Minh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì BIDV có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp của ông Phạm Văn Minh nằm trong khối tài sản chung của ông Phạm Văn Minh và bà Lê Thị Hồng Hạnh gồm:

- Căn hộ chung sư số A09 tầng 5 *(nay là căn hộ 509)* chung cư 93 Lò Đúc, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Giấy tờ về tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC 273528, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH0025 (1506-2010) do UBND quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội cấp ngày 06/8/2010 đứng tên ông Phạm Văn Minh, bà Lê Thị Hồng Hạnh, theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2011/HĐTC (số đăng ký tại ngân hàng 01/4462631) ngày 30/11/2011.

- Quyền sử dụng 1.346,5m^2 đất (gồm 300m^2 đất ở; 1.046,5m^2 đất vườn hợp pháp lâu dài) thuộc thửa đất số 192, tờ bản đồ số 04 và ngôi nhà cấp ba, 02 tầng, ngôi nhà bê tông cốt thép 01 tầng; các tài sản khác gắn liền với đất; địa chỉ nhà đất: tại xã Lê Lợi, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Giấy tờ về tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ945168, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 45QSDĐ/LL3-GL do UBND huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương cấp ngày 15/9/2004 đứng tên ông Phạm Văn Minh, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2011/HĐTC (số đăng ký tại ngân hàng: 01/4462626) ngày 30/11/2011.

Trường hợp số tiền bán tài sản thế chấp phần của ông Minh nằm trong khối tài sản chung của ông Minh bà Hạnh lớn hơn khoản nợ phải trả cho BIDV thì phần chênh lệch sẽ trả lại cho ông Minh. Nếu số tiền bán tài sản thế chấp không đủ để trả nợ cho BIDV thì ông Minh còn phải tiếp tục thanh toán cho BIDV phần còn thiếu.

[2]. Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DSST ngày 01/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương về nghĩa vụ thanh toán của ông Minh bà Hạnh phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTD-LTHH ngày 25/12/2012 là 4.747.712.428đ gồm: nợ gốc = 2.620.000.000đ; nợ lãi trong hạn = 2.087.409.194đ; nợ lãi quá hạn =

40.303.234đ. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Ông Phạm Văn Minh phải chịu 113.648.676đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm của nguyên đơn, bị đơn đối với hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTD-LTHH ngày 25/12/2012 sẽ được xác định lại khi Tòa án giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[5]. Về án phí phúc thẩm: Bị đơn ông Phạm Văn Minh không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả ông Minh số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí của Tòa án số AA/2020/0001740 ngày 04/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

[6]. Các nội dung khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị, không bị HĐXX sửa có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ngày 30 tháng 8 năm 2022.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
-TAND TP Hải Dương;
- VKSND TP Hải Dương;
- Chi cục THADS TP Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Đào